



VIỆT NAM NHẬP KHẨU GỖ NGUYÊN LIỆU TỪ VÙNG ĐỊA LÝ TÍCH CỰC VÀ VÙNG RỦI RO

Cập nhật hết 10 tháng đầu 2021



Tô Xuân Phúc (Forest Trends)-Cao Thị Cẩm (VIFOREST) -Trần Lê Huy (FPA Bình Định)



Tháng 12 năm 2021

Lời cảm ơn

Báo cáo ***Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ vùng địa lý tích cực và rủi ro: Cập nhật hết 10 tháng đầu năm 2021*** là sản phẩm của Nhóm nghiên cứu của VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và tổ chức Forest Trends. Nguồn thông tin trong Báo cáo được Nhóm tính toán dựa trên các dữ liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan Việt Nam.

Xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo của các Hiệp hội gỗ nêu trên đã ủng hộ Nhóm trong quá trình soạn thảo Báo cáo này. Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Anh (DFID) và Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Na Uy (NORAD) đã hỗ trợ một phần tài chính thông qua Forest Trends để hình thành Báo cáo. Các nhận định trong Báo cáo là của các tác giả.

Nhóm tác giả

Mục lục

1. Giới thiệu	1
2. Một số nét chính về Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu	2
Gỗ tròn nhập khẩu	3
Gỗ xẻ nhập khẩu.....	4
3. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường tích cực	5
3.1. Nhập khẩu gỗ tròn.....	5
3.2. Gỗ xẻ.....	9
4. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường không tích cực	13
4.1. Gỗ tròn nhập khẩu từ nguồn không tích cực	13
4.2. Gỗ xẻ nhập khẩu từ nguồn không tích cực	17
5. Kết luận	22

1. Giới thiệu

Nghị định 102-2020/NĐ-CP ngày 1 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về Quy định hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam đưa ra các tiêu chí xác định một quốc gia cung gỗ nguyên liệu (gỗ tròn, xẻ) cho Việt Nam thuộc vùng địa lý tích cực hoặc không tích cực. Nghị định quy định rõ gỗ từ nguồn không tích cực (hay thường được gọi là gỗ rủi ro) khi nhập khẩu vào Việt Nam phải chịu sự kiểm tra chặt chẽ từ các cơ quan chức năng, trong khi gỗ nhập khẩu từ vùng địa lý tích cực được coi là gỗ ít rủi ro và vì vậy cơ chế kiểm tra đối với nguồn gỗ nhập khẩu từ nguồn này dễ dàng hơn (không yêu cầu bổ sung tài liệu giải trình). Nhằm thực thi Nghị định, Quyết định số 4832/2020/BNN-TCLN ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN & PTNT) công bố danh sách các quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực. Tổng số có 51 quốc gia thuộc danh sách này. Toàn bộ các quốc gia nằm ngoài danh sách này được coi là các quốc gia không tích cực.

Báo cáo này đưa ra thông tin cập nhật về tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các quốc gia tích cực (gỗ ít rủi ro) và quốc gia không tích cực (gỗ rủi ro). Trong báo cáo này gỗ nguyên liệu là tròn và gỗ xẻ. Đây là hai nhóm mặt hàng nguyên liệu gỗ được nhập chủ yếu vào Việt Nam cả về lượng và giá trị kim ngạch. Báo cáo không đề cập tới các loại ván nhân tạo. Số liệu trong báo cáo được tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê nhập khẩu của Tổng cục Hải quan. Mặc dù quy định về vùng địa lý tích cực /không tích cực mới được ban hành vào cuối năm 2020, để tạo sự thuận tiện cho việc xác định nguồn gỗ nhập khẩu rủi ro và ít rủi ro, Báo cáo này áp dụng danh sách các quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực /không tích cực năm 2020 cho các năm trước đó. Ví dụ, 51 quốc gia được xác định thuộc danh sách vùng địa lý tích cực năm 2020 cũng được coi là các quốc gia vùng địa lý tích cực kể từ năm 2019 trở về trước. Toàn bộ các quốc gia còn lại được coi là vùng địa lý không tích cực với gỗ từ tất cả các nguồn này được coi là gỗ rủi ro. Một số nét chính trong báo cáo bao gồm:

- Mỗi năm Việt Nam nhập khẩu khoảng 6 triệu m³ gỗ quy tròn. Lượng gỗ này được đưa vào chế biến làm hàng xuất khẩu và tiêu dùng nội địa.
- Lượng gỗ ít rủi ro chiếm tỷ trọng khoảng 2/3 trong tổng lượng nhập khẩu, phần còn lại là gỗ rủi ro.
- Lượng gỗ ít rủi ro được nhập khẩu vào Việt Nam có xu hướng tăng, từ khoảng 68% trong tổng lượng nhập khẩu năm 2020 (tương đương 3,88 triệu m³ quy tròn) lên 72% trong 10 tháng đầu 2021 (3,8 triệu m³).
- Ngược lại, lượng gỗ rủi ro nhập khẩu có xu hướng giảm, từ 32% năm 2020 (tương đương 1,86 triệu m³ quy tròn) xuống còn 28% trong 10 tháng 2021 (1,49 triệu m³).
- Tỷ trọng gỗ rủi ro nhập khẩu trong gỗ tròn lớn hơn nhiều so với trong gỗ xẻ. Cụ thể đối với gỗ tròn, tỷ trọng gỗ rủi ro chiếm 40-50% trong tổng lượng nhập. Đối với gỗ xẻ, tỷ trọng gỗ rủi ro chiếm trên dưới 30% trong tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu.

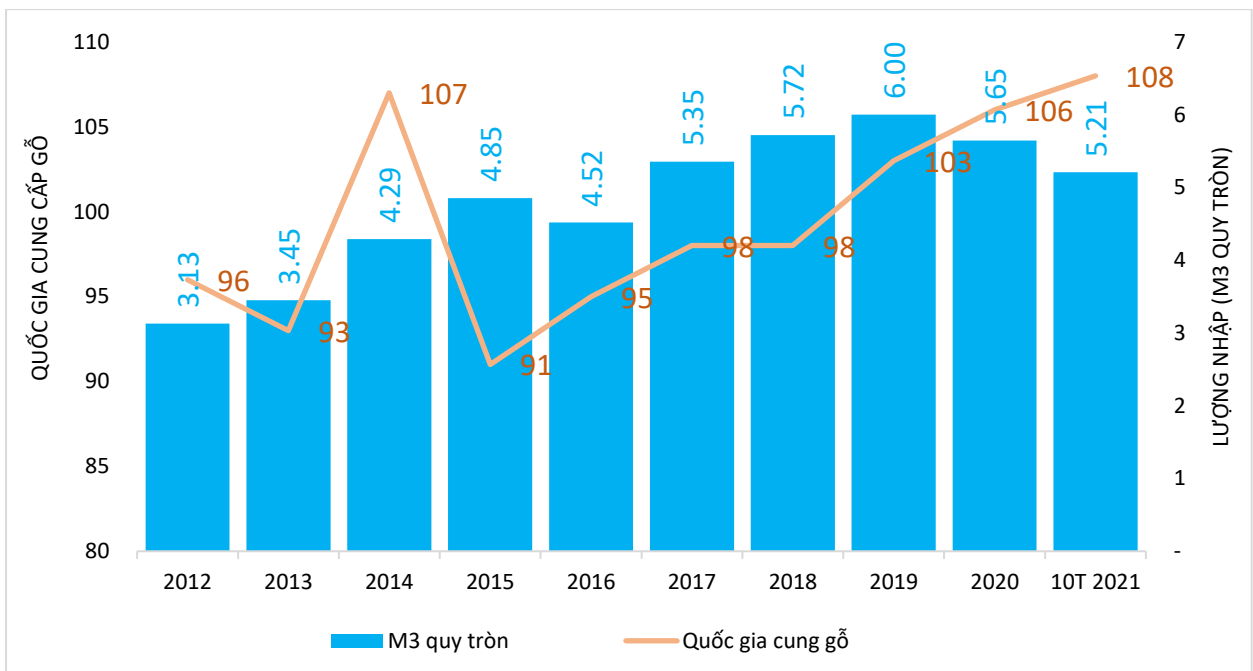
Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực trong việc giảm lượng gỗ rủi ro nhập khẩu vào Việt Nam. Điều này thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc thực hiện các cam kết sử dụng gỗ hợp pháp theo như tinh thần của Hiệp định đối tác tự nguyện (VPA) mà Chính phủ ký với EU 2018 và Hiệp định về khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp mà Chính phủ vừa ký với Chính phủ Mỹ vào tháng 10 vừa qua. Gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ các nguồn tích cực chiếm phần chính và đang tiếp tục tăng, trong khi gỗ nhập khẩu từ các nguồn rủi ro chiếm phần nhỏ và đang có xu hướng giảm là tín hiệu tích cực cho thấy các nỗ lực của Chính phủ đang đạt được kết quả tích cực. Tuy nhiên, lượng gỗ rủi ro nhập khẩu hàng năm vẫn còn rất lớn. Điều này đòi hỏi Chính phủ và cộng đồng ngành gỗ cần có các biện pháp quyết liệt hơn trong thời gian tới.

2. Một số nét chính về Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu

Thống kê từ cơ quan Hải quan cho thấy trung bình mỗi năm Việt Nam nhập khẩu từ 4,5 đến 5 triệu m³ gỗ nguyên liệu từ trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Lượng và các thị trường cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam ngày một gia tăng theo tốc độ tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu của ngành gỗ trong những năm qua.

Năm 2020 Việt Nam nhập khoảng 5,56 triệu m³ gỗ quy tròn, giảm khoảng 6% so với năm 2019. Lượng cung này là từ trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Lượng nhập trong 10 tháng năm 2021 đã tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020. Hình 1 chỉ ra sự thay đổi về lượng nhập và số thị trường mà Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong 10 năm qua.

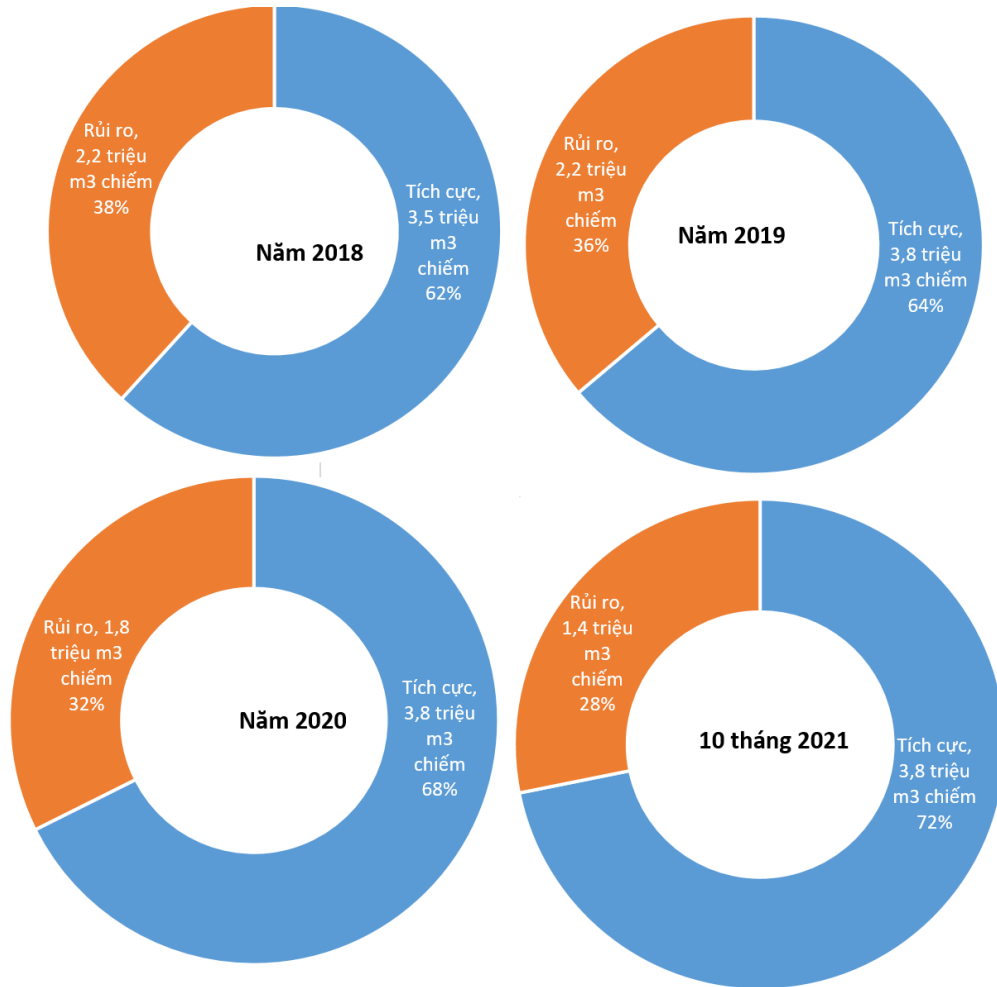
Hình 1. Lượng và số quốc gia cung gỗ vào Việt Nam từ 2012 đến hết 10 tháng 2021



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Năm 2018 khoảng 62% trong tổng số 5,8 triệu m³ gỗ nguyên liệu nhập khẩu là từ các quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực. Phần còn lại (38%) còn lại là từ thị trường không tích cực (54 quốc gia). Tỷ trọng này trong các năm tiếp theo (Hình 2).

Hình 2. Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu vào Việt Nam theo thị trường, 2018 – 10T 2021 (M3 quy tròn)

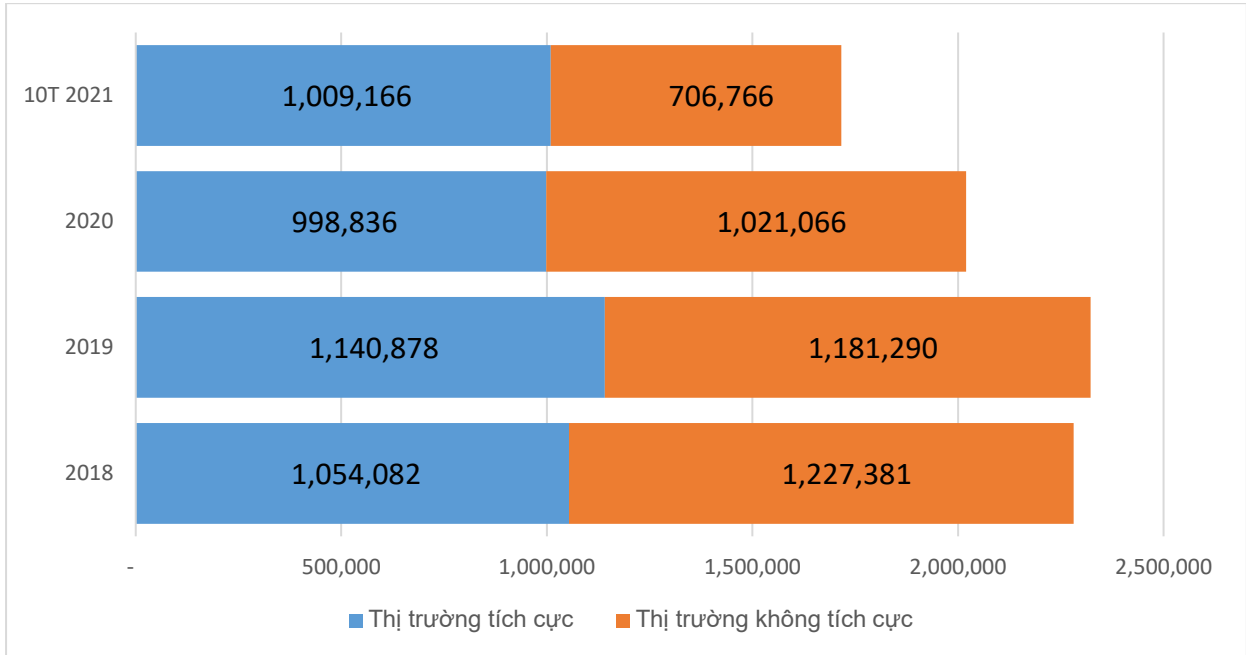


Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Gỗ tròn nhập khẩu

Năm 2018 có 37 quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực cung gỗ tròn cho Việt Nam, với lượng cung từ các quốc gia này chiếm 46% tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam trong cùng năm. Tỷ trọng này tăng lên 49% (2019 và 2020) và 59% (10 tháng 2021). Hình 3 chỉ ra lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam chia theo vùng địa lý tích cực, không tích cực.

Hình 3. Lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam theo vùng địa lý, 2018 – 10T 2021 (M3)

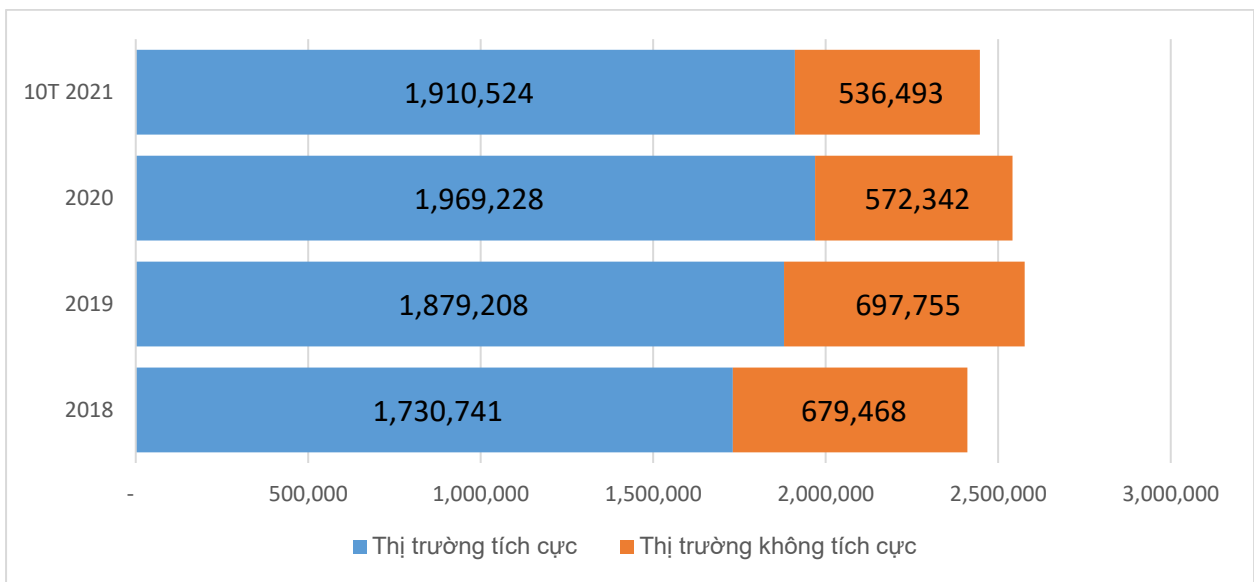


Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Gỗ xẻ nhập khẩu

Lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ thị trường tích cực chiếm trên 70% trong tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu mỗi năm (còn lại là gỗ xẻ nhập khẩu từ nguồn rủi ro). Tỷ trọng gỗ xẻ nhập khẩu từ nguồn tích cực ngày càng tăng. Hình 4 chỉ ra xu hướng nhập khẩu gỗ xẻ vào Việt Nam theo nguồn tích cực /không tích cực.

Hình 4. Lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam theo vùng, 2018 – 10T 2021 (m3)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

3. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường tích cực

3.1. Nhập khẩu gỗ tròn

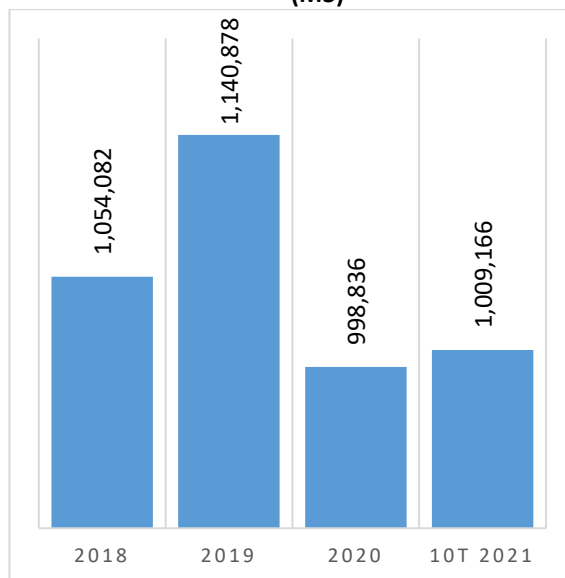
Lượng và kim ngạch nhập khẩu

Bình quân mỗi năm có khoảng 40 quốc gia thuộc danh sách vùng địa lý tích cực cung gỗ tròn cho Việt Nam, với lượng nhập chiếm khoảng 50-60% trong tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu tùy theo từng năm. Lượng nhập gỗ tròn từ các thị trường tích cực đang gia tăng: năm 2018 chỉ chiếm 46% lượng nhập, năm 2020 chiếm 49%, 10 tháng năm 2021 chiếm tới 59% lượng nhập.

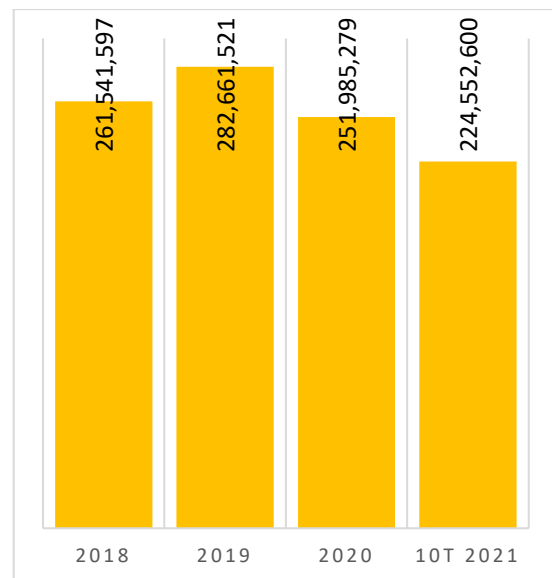
- Năm 2018, có 37 thị trường tích cực cung cấp cho Việt Nam trên 1 triệu m3 gỗ tròn, tương đương 261,54 triệu USD, chiếm 46% về lượng và 37% về giá trị.
- Năm 2019, có 37 thị trường tích cực xuất vào Việt Nam khoảng 1,14 triệu m3 gỗ tròn, tương đương 282,66 triệu USD, chiếm 49% về lượng và 44% về giá trị. Lượng và giá trị nhập khẩu gỗ năm 2019 tăng 8% so với năm 2018.
- Năm 2020, có 41 thị trường tích cực cung gỗ cho Việt Nam với xấp xỉ 1 triệu m3, tương đương 251,98 triệu USD, chiếm 49% về lượng và 45% về giá trị so với tổng lượng và giá trị gỗ tròn Việt Nam nhập. Gỗ nhập khẩu từ thị trường tích cực đã giảm 12% về lượng và 11% về giá trị so với năm 2019.
- Trong 10 tháng năm 2021, có 41 thị trường tích cực cung cấp 1 triệu m3, tương đương 224,55 triệu USD, chiếm 59% về lượng và 49% về giá trị. Nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường này đã tăng 19% về lượng và 3% về giá trị so với năm 2020.

Hình 5 và 6 thể hiện lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường tích cực xuất khẩu vào Việt Nam giai đoạn 2018-10 tháng 2021.

Hình 5. Lượng gỗ tròn nhập vào Việt Nam từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (M3)



Hình 6. Kim ngạch nhập gỗ tròn vào Việt Nam từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Các quốc gia cung chính

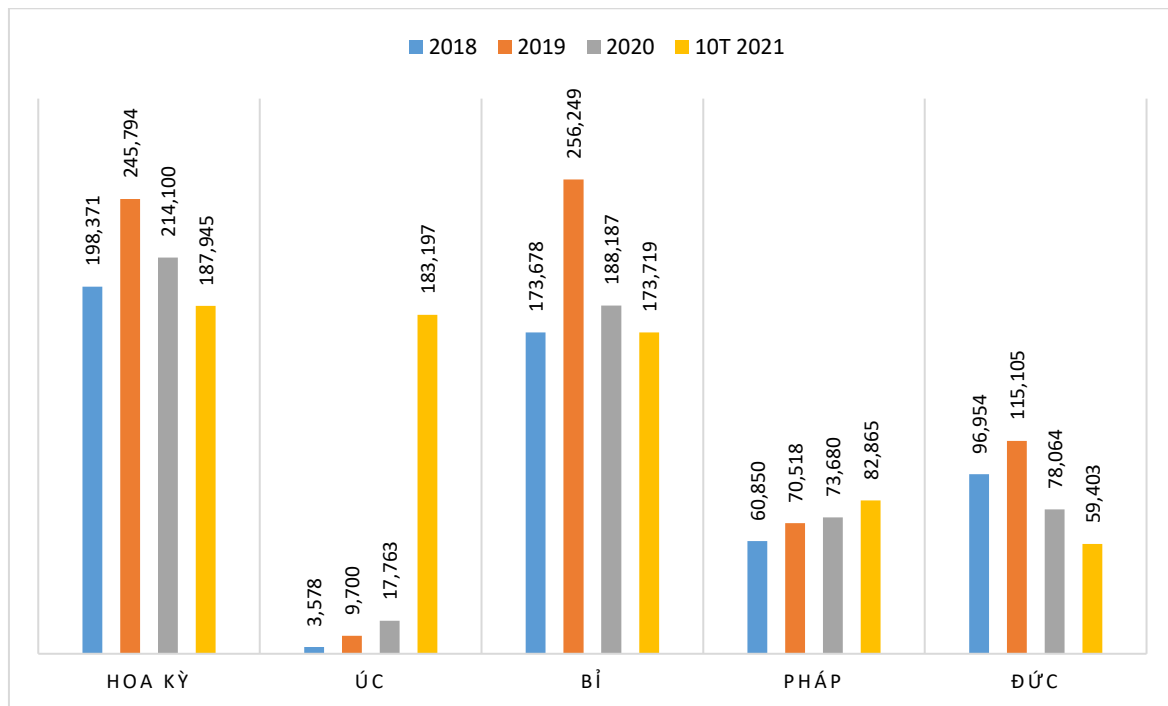
10 quốc gia cung cấp gỗ tròn chính cho Việt Nam, bao gồm: Hoa Kỳ, Úc, Bỉ, Pháp, Đức, Uruguay, Brazil, Hà Lan, Nam Phi và Nhật Bản (Bảng 1). Lượng cung từ 10 thị trường này chiếm trên 80% tổng lượng gỗ từ các thị trường tích cực xuất khẩu vào Việt Nam.

Trong số các quốc gia xuất khẩu gỗ tròn hàng đầu vào Việt Nam cho thấy những thay đổi quan trọng trong chuỗi cung gỗ từ các thị trường tích cực vào Việt Nam trong giai đoạn xem xét. Cụ thể:

- Hoa Kỳ: Năm 2020, lượng gỗ nhập đạt 214 ngàn m³, tương đương 71,6 triệu USD, giảm 13% về lượng và giảm 14% về kim ngạch so với năm 2019. Trong năm 2021 dự kiến lượng và giá trị nhập khẩu gỗ từ thị trường này tiếp tục xu hướng giảm do tình trạng khủng hoảng logistic chưa có dấu hiệu được giải quyết.
- Úc: Trong 10 tháng năm 2021, lượng và giá trị nhập gỗ tròn vào Việt Nam đã tăng vọt lên 183,2 ngàn m³, tương đương 20,8 triệu USD, tăng gấp 9 lần về lượng và tăng 74% về giá trị so với cả năm 2020. Có thể tình trạng gia tăng này diễn ra trong bối cảnh DN tìm kiếm nguồn cung mới có cự ly gần, đảm bảo hoạt động vận tải biển và logistic.
- Bỉ: Tương tự thị trường Mỹ, lượng và kim ngạch nhập gỗ tròn từ Bỉ về Việt Nam trong năm 2020 đã giảm mạnh tương ứng 27% về lượng và 24% về kim ngạch so với năm 2019.

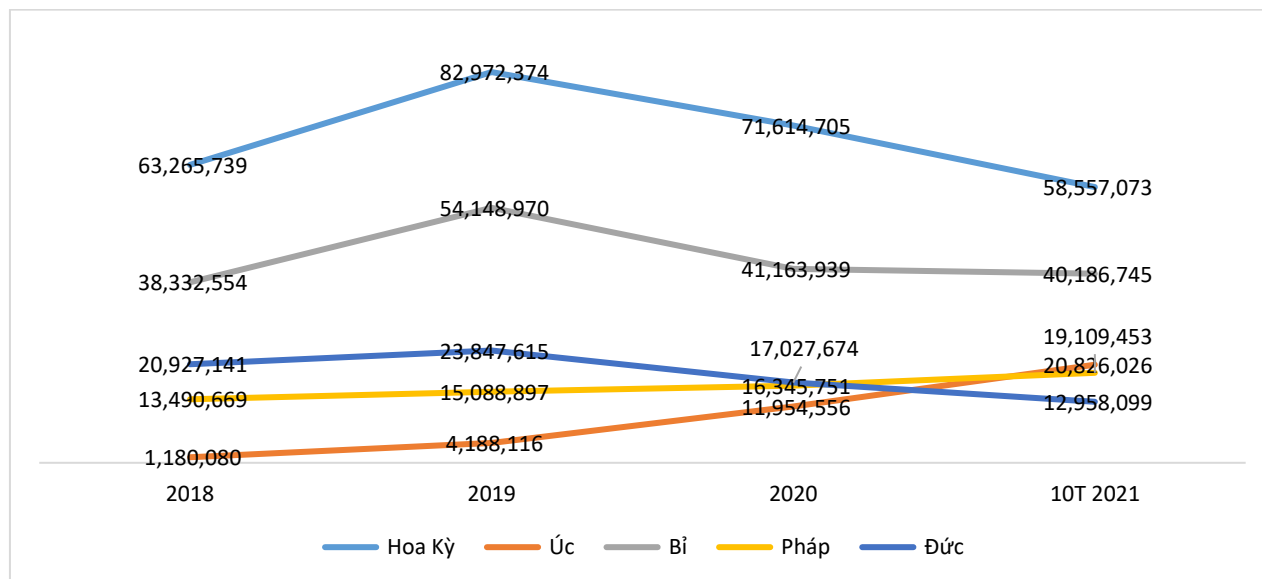
Hình 7 và hình 8 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ 5 thị trường tích cực chính.

Hình 7. Lượng gỗ tròn nhập vào Việt Nam từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (M3)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Hình 8. Kim ngạch nhập gỗ tròn vào Việt Nam từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 1 chỉ ra lượng và giá trị kim ngạch gỗ tròn từ các quốc gia này xuất khẩu vào Việt Nam.

Bảng 1. Thị trường tích cực xuất khẩu gỗ tròn vào Việt Nam giai đoạn 2018 - 10 tháng 2021

Thị trường tích cực	M3				USD			
	2018	2019	2020	10T 2021	2018	2019	2020	10T 2021
Hoa Kỳ	198.371	245.794	214.100	187.945	63.265.739	82.972.374	71.614.705	58.557.073
Úc	3.578	9.700	17.763	183.197	1.180.080	4.188.116	11.954.556	20.826.026
Bỉ	173.678	256.249	188.187	173.719	38.332.554	54.148.970	41.163.939	40.186.745
Pháp	60.850	70.518	73.680	82.865	13.490.669	15.088.897	16.345.751	19.109.453
Đức	96.954	115.105	78.064	59.403	20.927.141	23.847.615	17.027.674	12.958.099
UruGuay	123.552	50.228	63.295	56.538	20.697.228	8.380.906	10.122.407	9.079.096
Brazil	25.186	25.367	40.649	36.047	9.163.224	9.832.011	10.485.135	11.628.910
Hà Lan	81.215	96.728	63.343	35.720	18.699.050	19.791.828	13.324.713	8.029.272
Trung Quốc	68.491	48.599	29.286	33.904	24.467.941	15.777.732	9.281.647	5.657.569
Nam Phi	55.764	49.259	37.408	32.803	10.754.933	10.112.729	7.222.549	5.560.970

Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Các loài nhập khẩu chính

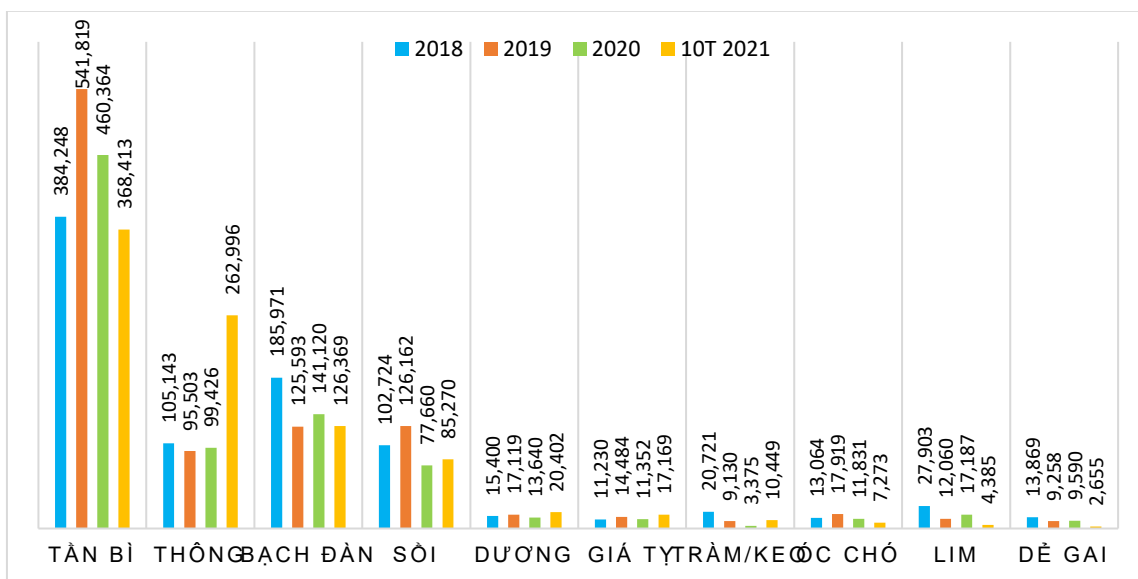
Hàng năm có trên 100 loài gỗ tròn khác nhau được nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường tích cực. Năm 2018 nhập 239 loài, năm 2019 là 132 loài gỗ tròn khác nhau được nhập từ 37 thị trường tích cực. Số loài gỗ nhập trong năm 2020 là 209 loài và 10 tháng đầu năm 2021 nhập 188 loài từ 41 thị trường.

Trong đó có 10 loại gỗ (theo quy định của Việt Nam) có lượng nhập lớn chiếm trên 85% tổng lượng gỗ tròn từ các thị trường tích cực như: tần bì, thông, bạch đàn, sồi, dương, giá trị, trầm/keo, óc chó, lim. Cụ thể:

- Năm 2018: đạt 880,27 nghìn m³, tương đương 213,59 triệu USD, chiếm 84% về lượng và 82% về giá trị gỗ tròn nhập từ các thị trường tích cực.
- Năm 2019: đạt 969,04 nghìn m³, tương đương 239,67 triệu USD, chiếm 85% về lượng và giá trị gỗ tròn nhập từ các thị trường tích cực.
- Năm 2020: đạt 845,54 nghìn m³, tương đương 199,43 triệu USD, chiếm 85% về lượng và 79% về giá trị gỗ tròn nhập từ các thị trường tích cực.
- 10 tháng năm 2021: đạt 905,38 triệu USD, tương đương 193,92 triệu USD, chiếm 90% về lượng và 86% về giá trị gỗ tròn nhập từ các thị trường tích cực.

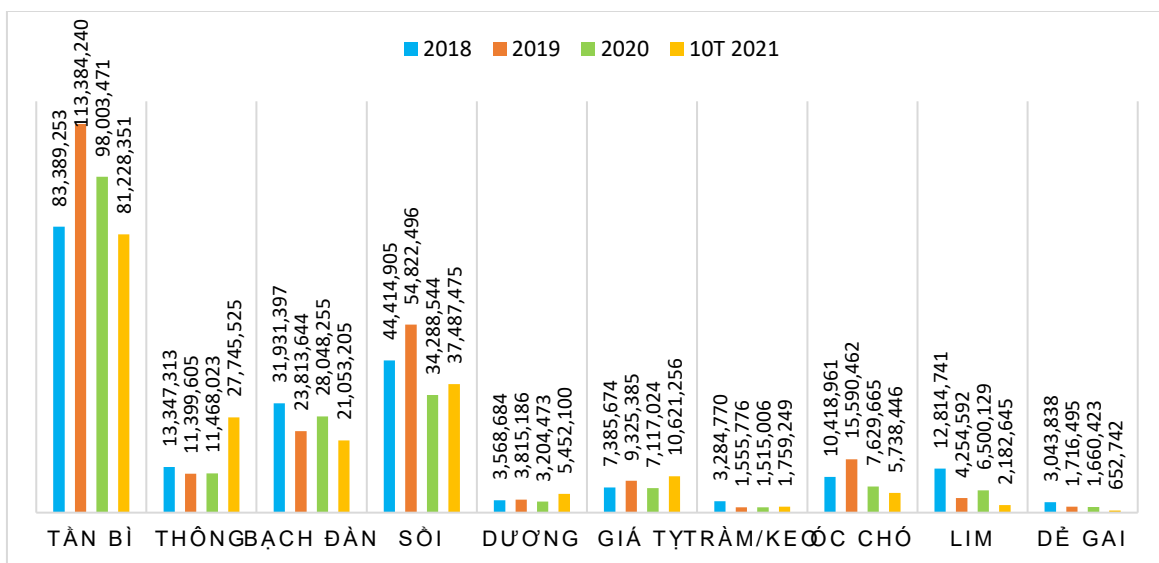
Lượng và giá trị nhập khẩu 10 loài gỗ tròn được thể hiện ở hình 9 và hình 10

Hình 9. Lượng nhập 10 loài gỗ tròn giai đoạn 2018 – 10 tháng 2021 (M3)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Hình 10. Giá trị nhập 10 loài gỗ tròn giai đoạn 2018 – 10 tháng 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

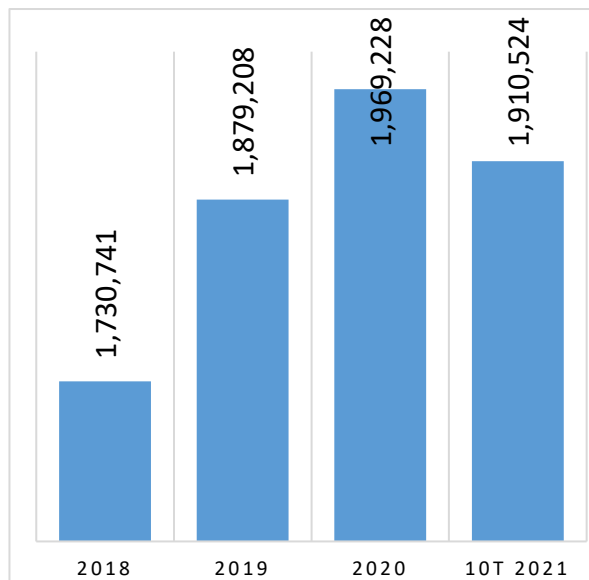
3.2. Gỗ xẻ

Hàng năm có khoảng 40 quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực cung gỗ xẻ cho Việt Nam. Lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ các nguồn này có xu hướng tăng, từ mức 72% trong tổng lượng nhập vào năm 2018, lên 77% vào năm 2020. Trong 10 tháng năm 2021, lượng nhập gỗ xẻ từ các thị trường tích cực chiếm tới 78%.

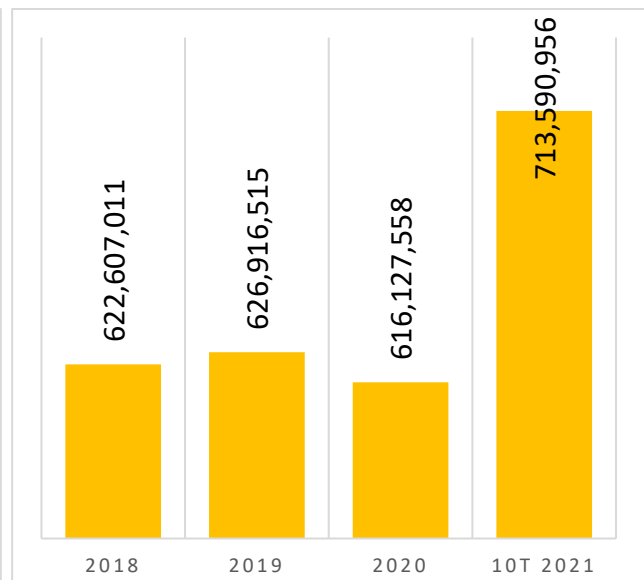
- Năm 2018: Có 42 thị trường tích cực cung 1,73 triệu m³ gỗ xẻ, tương đương 622,6 triệu USD, chiếm 72% về lượng và 67% về giá trị gỗ xẻ nhập vào Việt Nam.
- Năm 2019: Lượng gỗ xẻ từ 43 thị trường tích cực vào Việt Nam đạt 1,87 triệu m³, tương đương 626,9 triệu USD, chiếm 73% về lượng và 68% về giá trị gỗ xẻ. Nó chỉ ra mức tăng 9% về lượng và 1% về giá trị so với năm 2018.
- Năm 2020: Có 44 thị trường tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam, đạt 1,96 triệu m³, tương đương 616,12 triệu USD, chiếm 77% về lượng và 73% về giá trị gỗ xẻ nhập khẩu. Con số này tăng 5% về lượng nhưng giảm 2% về giá trị so với năm 2019.
- Trong 10 tháng năm 2021: Có 43 thị trường tích cực xuất 1,191 triệu m³, tương đương 713,44 triệu USD cho Việt Nam, chiếm 78% về lượng và 76% về giá trị gỗ xẻ nhập khẩu, tăng 27% về lượng và 51% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 11 và hình 12 chỉ ra lượng và kim ngạch gỗ xẻ nhập khẩu từ các thị trường tích cực vào Việt Nam trong giai đoạn 2018-10T 2021.

Hình 11. Lượng gỗ xẻ Việt Nam từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (M3)



Hình 12. Kim ngạch nhập gỗ xẻ Việt Nam từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Nguồn cung

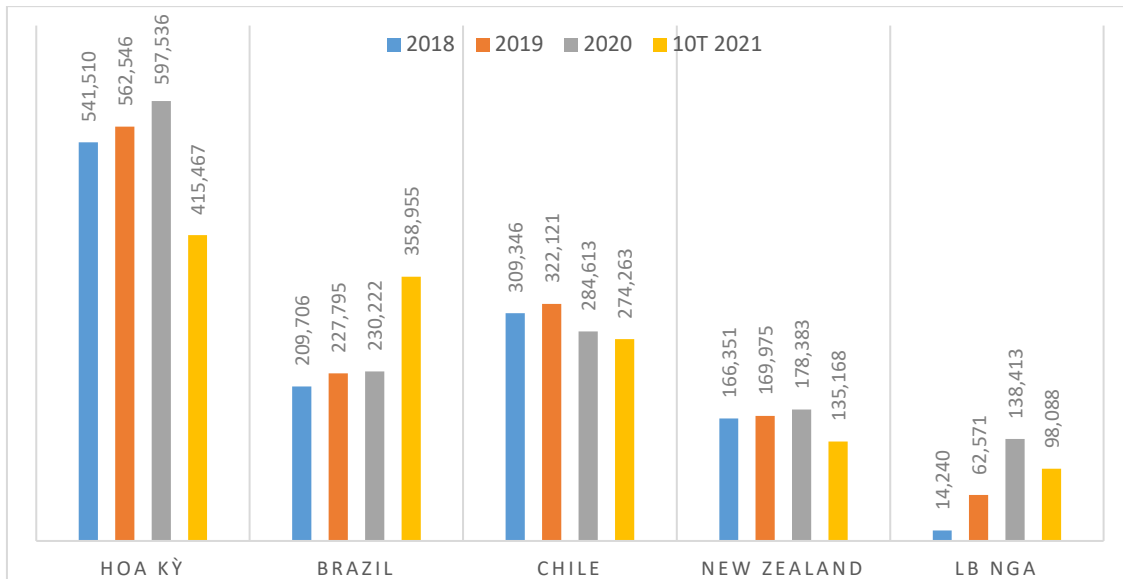
Mười thị trường tích cực xuất gỗ xẻ hàng đầu cho Việt Nam gồm: Hoa Kỳ, Brazil, Chi lê, New Zealand, Nga, Trung Quốc, Malaysia, Uruguay, Nam Phi, Hà Lan và Đức. Lượng gỗ xẻ từ 10 thị trường này chiếm trên 85% tổng lượng gỗ xẻ được nhập từ các thị trường tích cực.

Ba quốc gia xuất khẩu gỗ xẻ lớn nhất sang Việt Nam như sau:

- Hoa Kỳ: Năm 2020, lượng gỗ xẻ nhập khẩu đạt 597,5 ngàn m³, tương đương 221,8 triệu USD, tăng 6% về lượng và giảm 5% về kim ngạch so với năm 2019. Dự kiến năm 2021 lượng gỗ nhập từ thị trường này tiếp tục giảm nhưng giá trị kim ngạch vẫn tăng so với năm 2020.
- Brazil: Trong 10 tháng năm 2021, lượng và kim ngạch nhập gỗ xẻ vào Việt Nam đã tăng mạnh lên 359 ngàn m³, tương đương 95,2 triệu USD, tăng 56% về lượng và 81% về giá trị so với cả năm 2020.
- Chi Lê: Lượng gỗ xẻ từ Chi Lê về Việt Nam trong 10 tháng năm 2021 chỉ thấp hơn cả năm 2020 khoảng 4%, tuy nhiên cùng thời gian này kim ngạch đã tăng 22% so với cả năm 2020.

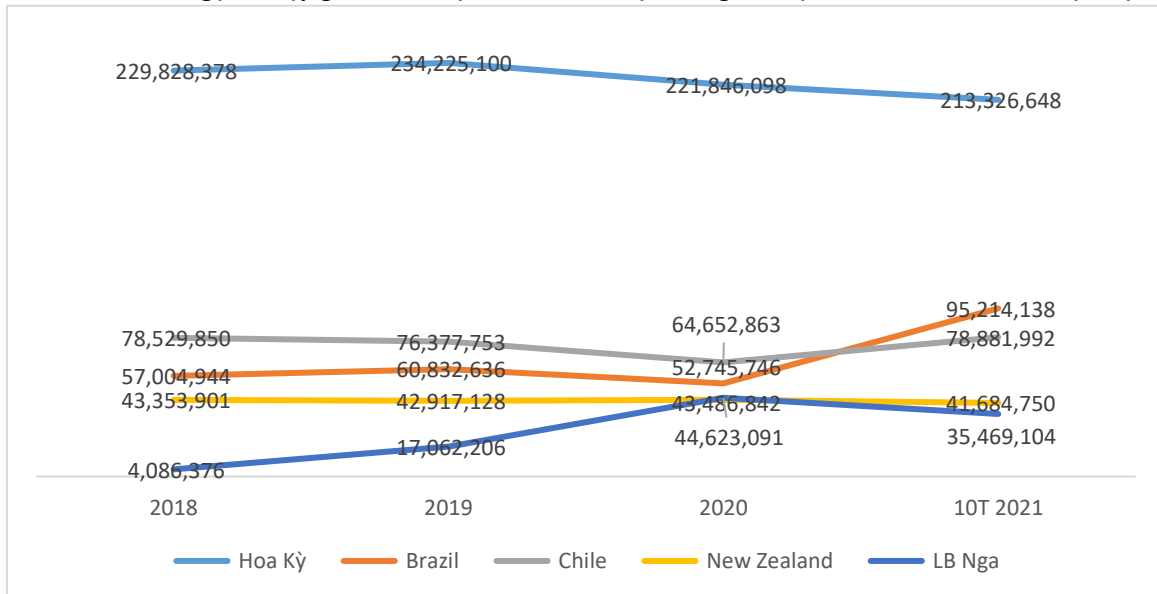
Hình 13 và hình 14 cho thấy những thay đổi lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ từ 5 thị trường tích cực hàng đầu.

Hình 13. Lượng gỗ xẻ nhập vào Việt Nam từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (M³)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Hình 14. Kim ngạch nhập gỗ xẻ vào Việt Nam từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 2 chỉ ra lượng và giá trị gỗ xẻ nhập từ 10 thị trường tích cực giai đoạn 2018 tới 10 tháng năm 2021.

Bảng 2. Lượng và giá trị gỗ xẻ nhập vào Việt Nam từ 10 thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021

Thị trường tích cực	M3				USD			
	2018	2019	2020	10T 2021	2018	2019	2020	10T 2021
Hoa Kỳ	541.510	562.546	597.536	415.467	229.828.378	234.225.100	221.846.098	213.326.648
Brazil	209.706	227.795	230.222	358.955	57.004.944	60.832.636	52.745.746	95.214.138
Chile	309.346	322.121	284.613	274.263	78.529.850	76.377.753	64.652.863	78.881.992
NewZealand	166.351	169.975	178.383	135.168	43.353.901	42.917.128	43.486.842	41.684.750
LB Nga	14.240	62.571	138.413	98.088	4.086.376	17.062.206	44.623.091	35.469.104
Trung Quốc	44.524	60.959	62.420	84.570	30.153.497	26.421.895	32.020.040	47.083.115
Malaysia	72.489	33.254	22.881	79.494	29.120.207	16.032.933	10.423.298	31.444.774
UruGuay	29.175	41.817	42.605	65.862	8.301.303	11.970.327	10.874.184	18.320.330
Nam Phi	1.406	21.411	49.755	47.617	1.367.075	7.008.485	13.006.690	12.758.956
Hà Lan	38.296	42.524	47.306	45.865	10.513.408	10.336.313	10.668.421	12.901.088
Đức	36.167	43.928	30.288	36.004	15.133.298	15.649.821	11.091.763	16.040.317

Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Các loài gỗ xẻ nhập khẩu

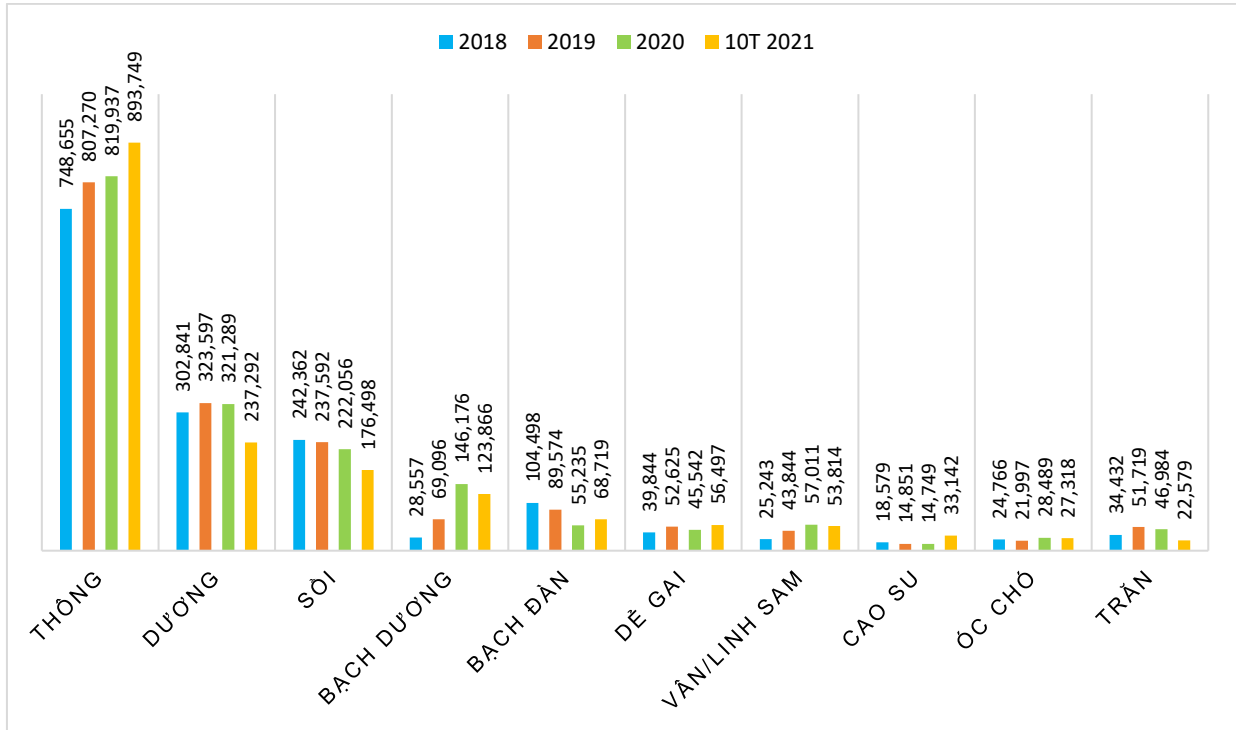
Số lượng các loài gỗ xẻ được nhập từ các thị trường tích cực về Việt Nam thể hiện tính đa dạng, phong phú. Năm 2018, DN Việt Nam nhập trên 245 loài khác nhau từ 42 thị trường tích cực. Năm 2019, con số này là 171 loài từ 43 thị trường. Năm 2020, Việt Nam nhập 260 loài từ 44 thị trường và 10 tháng đầu năm 2021 đã nhập 256 loài từ 43 thị trường tích cực.

Trong số các loài gỗ phong phú kể trên, có khoảng 10 loài gỗ đạt lượng nhập trên 90% tổng lượng gỗ xẻ vào Việt Nam từ các thị trường tích cực. Các loài này bao gồm thông, dương, sồi, bạch dương, bạch đàn, dẻ gai, vân/linh sam, cao su, óc chó, trăn. Cụ thể:

- Năm 2018: Lượng nhập đạt 1,56 triệu m³, tương đương 543,62 triệu USD, chiếm 91% về lượng và 87% về giá trị gỗ xẻ nhập từ các thị trường tích cực.
- Năm 2019: Lượng nhập là 1,71 triệu m³, tương đương 556,33 triệu USD, chiếm 91% về lượng và 89% về giá trị gỗ xẻ nhập từ các thị trường tích cực. Chúng cho thấy mức tăng 9% về lượng và 2% về giá trị so với năm 2018.
- Năm 2020: Lượng nhập đạt 1,75 triệu m³, tương đương 533,69 triệu USD, chiếm 89% về lượng và 87% về giá trị gỗ xẻ nhập từ các thị trường tích cực. Chúng tăng 3% về lượng nhưng lại giảm 4% về giá trị so với năm 2019.
- 10 tháng đầu năm 2021: Lượng nhập vào khoảng 1,69 triệu m³, tương đương 624,91 triệu USD, chiếm 89% về lượng và 87% về giá trị gỗ xẻ nhập từ các thị trường tích cực.

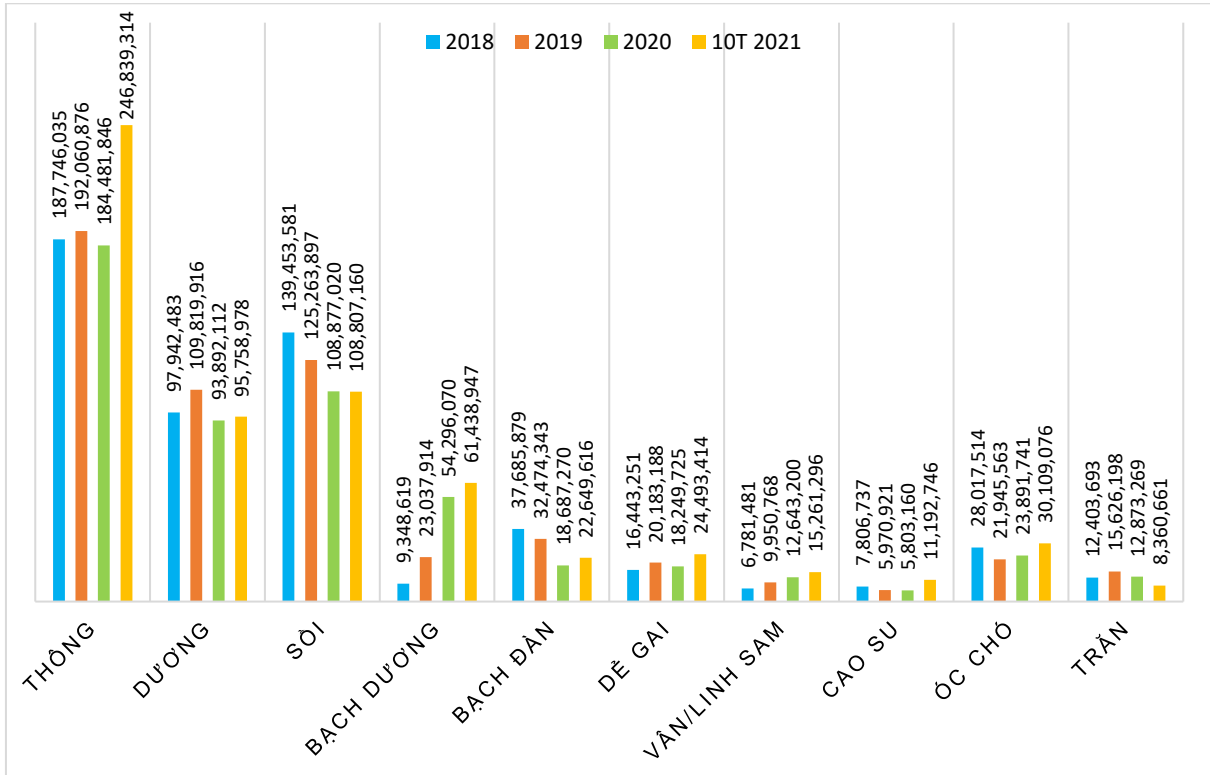
Hình 15 và 16 chỉ ra lượng và giá trị nhập 10 loại gỗ xẻ từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10 tháng năm 2021.

Hình 15. Lượng nhập các loài gỗ xẻ chính từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (M3)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Hình 16. Kim ngạch nhập các loài gỗ xẻ chính từ các thị trường tích cực năm 2018 – 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

4. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường không tích cực

Lượng gỗ nguyên liệu nhập từ các thị trường không tích cực tiếp tục có xu hướng giảm. Đối với gỗ tròn, lượng nhập từ các thị trường không tích cực giảm từ 1,22 triệu m³, chiếm 54% trong tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu vào năm 2018 xuống còn 1 triệu m³, chiếm 51% vào năm 2020. Đối với gỗ xẻ, lượng nhập giảm từ 0,67 triệu m³, chiếm 28% vào năm 2018 xuống còn 0,57 triệu m³, chiếm 23% vào năm 2020.

Tuy lượng nhập giảm theo từng năm, nhưng về số lượng thị trường nhập gỗ nguyên liệu lại có xu hướng tăng từ 54 thị trường không tích cực cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam vào năm 2018 lên 61 vào năm 2020 và 10 tháng đầu năm là 63 thị trường.

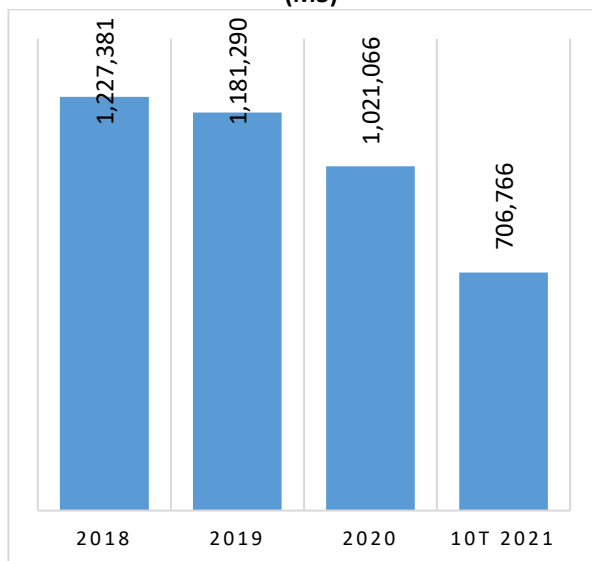
4.1. Gỗ tròn nhập khẩu từ nguồn không tích cực

Bình quân mỗi năm có khoảng 50 thị trường cung gỗ tròn là gỗ rủi ro cho Việt Nam. Lượng cung từ nguồn này chiếm trên 50% tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ tất cả các thị trường. Lượng nhập gỗ tròn từ nguồn rủi ro đang trong xu hướng giảm mạnh những năm gần đây.

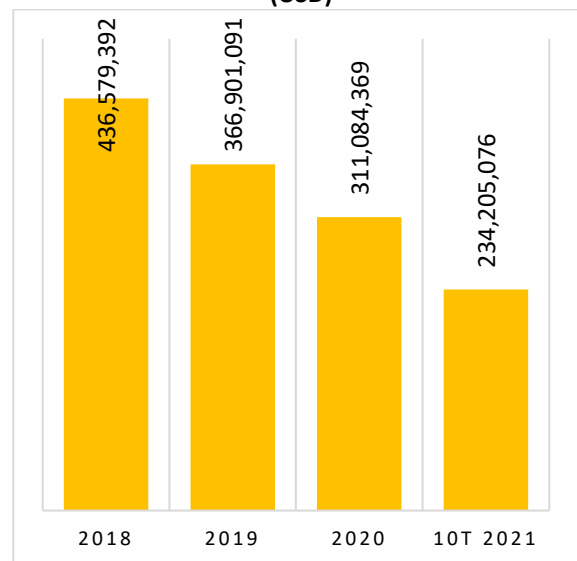
- Năm 2018: Lượng nhập 1,22 triệu m³ gỗ tròn từ 46 thị trường không tích cực, tương đương 436,57 triệu USD, chiếm 54% về lượng và 63% về giá trị.
- Năm 2019: Lượng nhập 1,81 triệu m³ gỗ tròn từ 39 thị trường không tích cực, tương đương 366,90 triệu USD, chiếm 51% về lượng và 56% về giá trị gỗ tròn nhập từ tất cả thị trường. Chúng đã giảm 4% về lượng và 16% giá trị so với năm 2018.
- Năm 2020: Lượng nhập 1,02 triệu m³ gỗ tròn từ 46 thị trường không tích cực, tương đương 311,08 triệu USD, chiếm 51% về lượng và 55% về giá trị gỗ tròn nhập vào Việt Nam. Tương ứng giảm 14% về lượng và 15% về giá trị so với năm 2019.
- 10 tháng năm 2021: Lượng nhập 0,7 triệu m³ gỗ tròn từ 48 thị trường không tích cực, tương đương 234,2 triệu USD, chiếm 41% về lượng và 51% về giá trị gỗ tròn nhập từ tất cả các thị trường, cho thấy giảm 21% về lượng và 11% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 17 và hình 18 thể hiện lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường không tích cực vào Việt Nam giai đoạn 2018-10 tháng 2021.

Hình 17. Lượng gỗ tròn nhập vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021 (M³)



Hình 18. Kim ngạch nhập gỗ tròn vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Các thị trường không tích cực xuất khẩu gỗ tròn vào Việt Nam

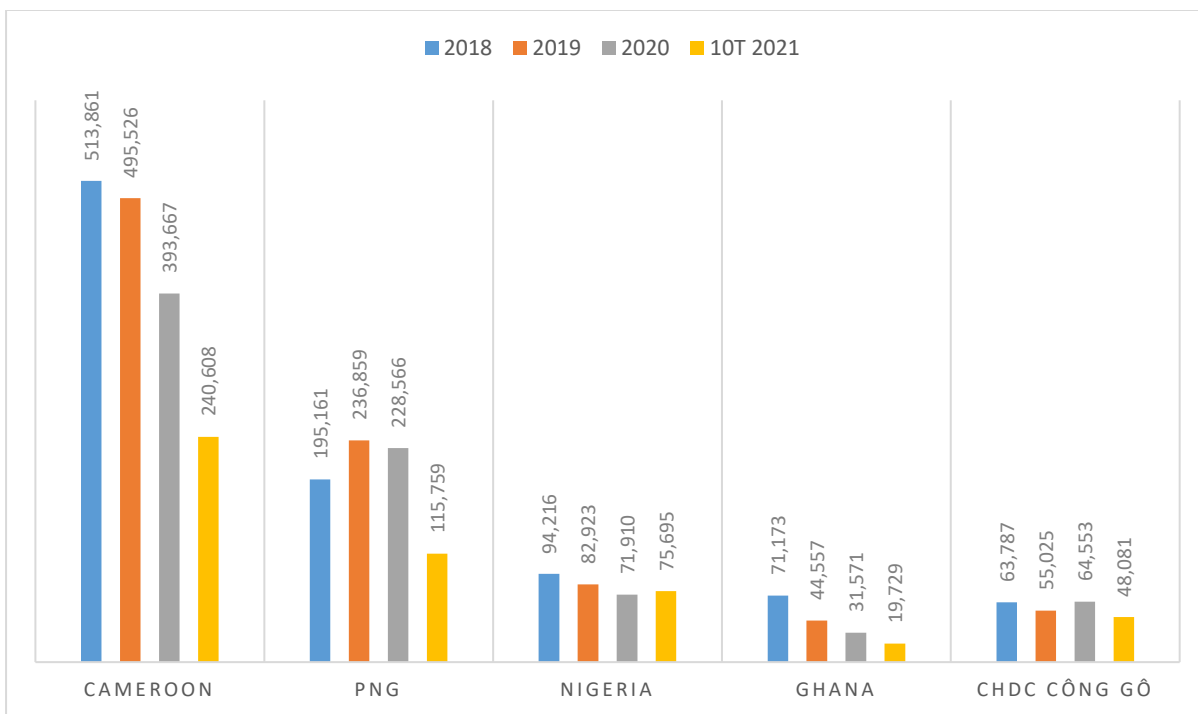
Các thị trường cung gỗ tròn rủi ro lớn cho Việt Nam bao gồm Cameroon, Papua New Guinea (PNG), Nigeria, Ghana, CHDC Công gô, Kenya, Angola, Cam-pu-chia, Suriname và Công gô. Lượng gỗ tròn cung từ 10 thị trường này chiếm trên 90% tổng lượng gỗ tròn từ tất cả các nguồn không tích cực.

Trong những năm vừa qua, cung gỗ tròn từ các nguồn rủi ro có một số thay đổi sau:

- Cameroon: Năm 2020, lượng gỗ nhập đạt 393,6 ngàn m³, tương đương 147 triệu USD, giảm 21% về lượng và 19% về kim ngạch so với năm 2019. Dự kiến năm 2021 lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ Cameroon tiếp tục giảm mạnh.
- PNG: Năm 2020, lượng và giá trị nhập gỗ tròn vào Việt Nam đạt 228,5 ngàn m³, tương đương 37,9 triệu USD, giảm 4% về lượng và giảm 11% về giá trị so với cả năm 2020. Thị trường không tích cực này tiếp tục gián đoạn cung gỗ vào Việt Nam trong năm 2021.
- Nigeria: Lượng và kim ngạch nhập gỗ tròn từ nguồn này về Việt Nam trong 10 tháng năm 2021 đã tăng 5% về lượng và 7% về kim ngạch so với cả năm 2020.

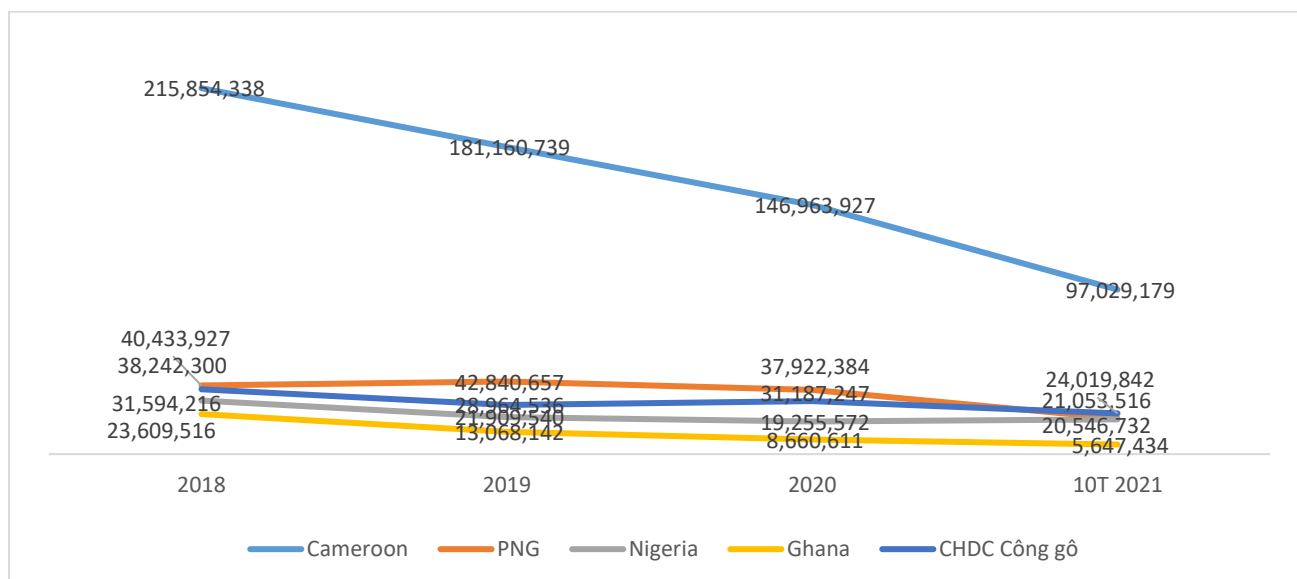
Hình 19 và hình 20 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ 5 thị trường tích cực chính.

Hình 19. Lượng gỗ tròn nhập vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021 (M³)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Hình 20. Kim ngạch nhập gỗ tròn vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 3 liệt kê chi tiết lượng và kim ngạch gỗ tròn nhập vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực chính trong giai đoạn 2018 tới 10 tháng năm 2021

Bảng 3. Lượng và giá trị gỗ tròn nhập vào Việt Nam từ 10 thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021

Thị trường NK không tích cực	Lượng (m3)				Trị giá (USD)			
	2018	2019	2020	10T 2021	2018	2019	2020	10T 2021
Cameroon	513.861	495.526	393.667	240.608	215.854.338	181.160.739	146.963.927	97.029.179
PNG	195.161	236.859	228.566	115.759	40.433.927	42.840.657	37.922.384	21.053.516
Nigeria	94.216	82.923	71.910	75.695	31.594.216	21.909.540	19.255.572	20.546.732
Ghana	71.173	44.557	31.571	19.729	23.609.516	13.068.142	8.660.611	5.647.434
CHDC. Công gô	63.787	55.025	64.553	48.081	38.242.300	28.964.536	31.187.247	24.019.842
Kenya	47.707	36.750	19.282	10.426	14.360.941	10.746.047	5.451.345	3.110.028
Angola	42.345	53.171	8.313	11.223	9.039.889	12.135.670	2.004.689	3.814.403
Cambodia	38.264	10.549	1.499	6.566	7.297.721	1.693.592	199.431	400.641
Suriname	36.663	78.511	102.104	73.956	11.940.752	23.806.290	29.835.912	22.888.650
Công gô	23.420	28.741	18.148	14.288	10.475.009	12.882.372	6.628.121	5.977.874

Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Các loài gỗ tròn nhập khẩu từ thị trường không tích cực

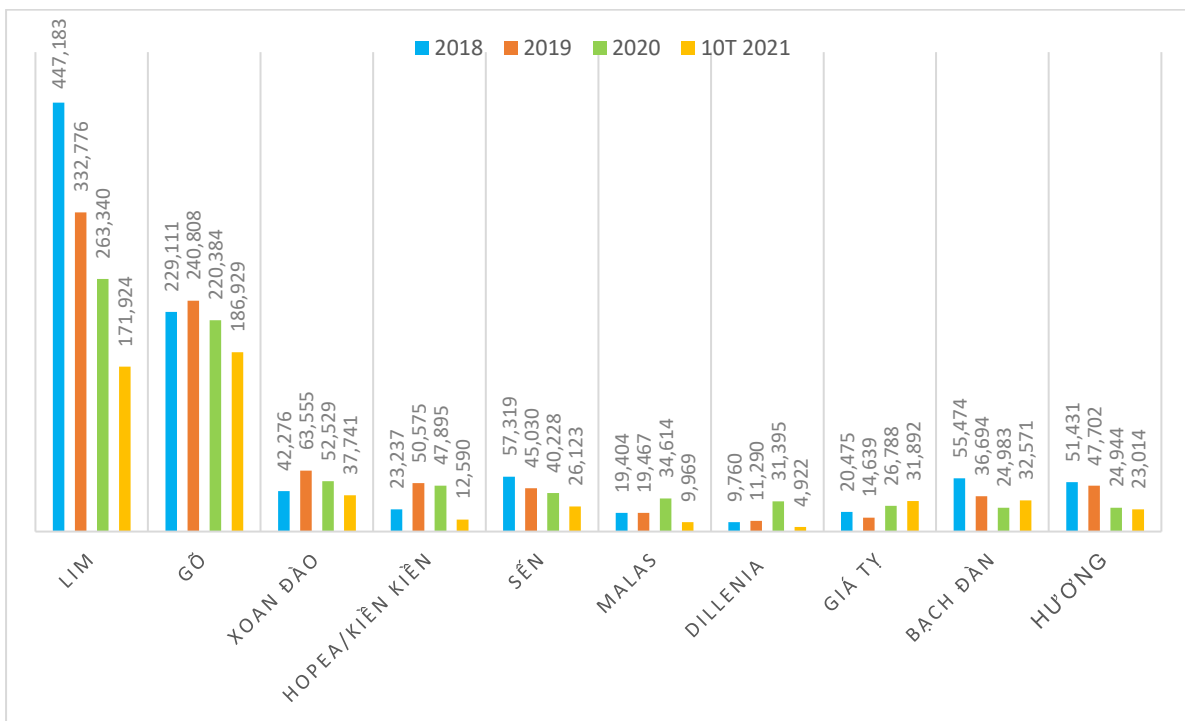
Bình quân mỗi năm có trên 200 loài gỗ tròn khác nhau được nhập về Việt Nam từ các thị trường không tích cực. Năm 2018, Việt Nam nhập 302 loài khác nhau từ 46 thị trường không tích cực. Năm 2019, con số là 222 loài từ 39 thị trường. Năm 2020, cả nước nhập 248 loài từ 46 thị trường và 10 tháng đầu năm 2021 nhập 261 loài từ 48 thị trường không tích cực.

Trong khoảng 40 thị trường không tích cực cung gỗ tròn cho Việt Nam, lượng nhập của 10 loài gỗ gồm: lim, gỗ, xoan đào, kiền kiền, sến, malas, dillenia, giá ty, bạch đàn, hương chiếm tới trên 75% tổng lượng gỗ tròn nhập từ các thị trường không tích cực.

- Năm 2018: Lượng nhập là 0,95 triệu m³, tương đương 360,77 triệu USD, chiếm 78% về lượng và 83% về giá trị gỗ tròn nhập từ các thị trường không tích cực.
- Năm 2019: Lượng nhập đạt 0,86 triệu m³, tương đương 328,33 triệu USD, chiếm 73% về lượng và 78% về giá trị gỗ tròn nhập từ các thị trường không tích cực. Điều này cho thấy giảm 10% về lượng và 21% về giá trị so với năm 2018.
- Năm 2020: Lượng nhập khoảng 0,76 triệu m³, tương đương 244,53 triệu USD, chiếm 75% về lượng và 79% về giá trị gỗ tròn nhập từ các thị trường không tích cực. Chúng giảm 11% về lượng và 14% về giá trị so với năm 2019.
- 10 tháng đầu năm 2021: Lượng nhập đạt 0,53 triệu m³, tương đương 184,45 triệu USD, chiếm 76% về lượng và 79% về giá trị gỗ tròn nhập từ các thị trường không tích cực.

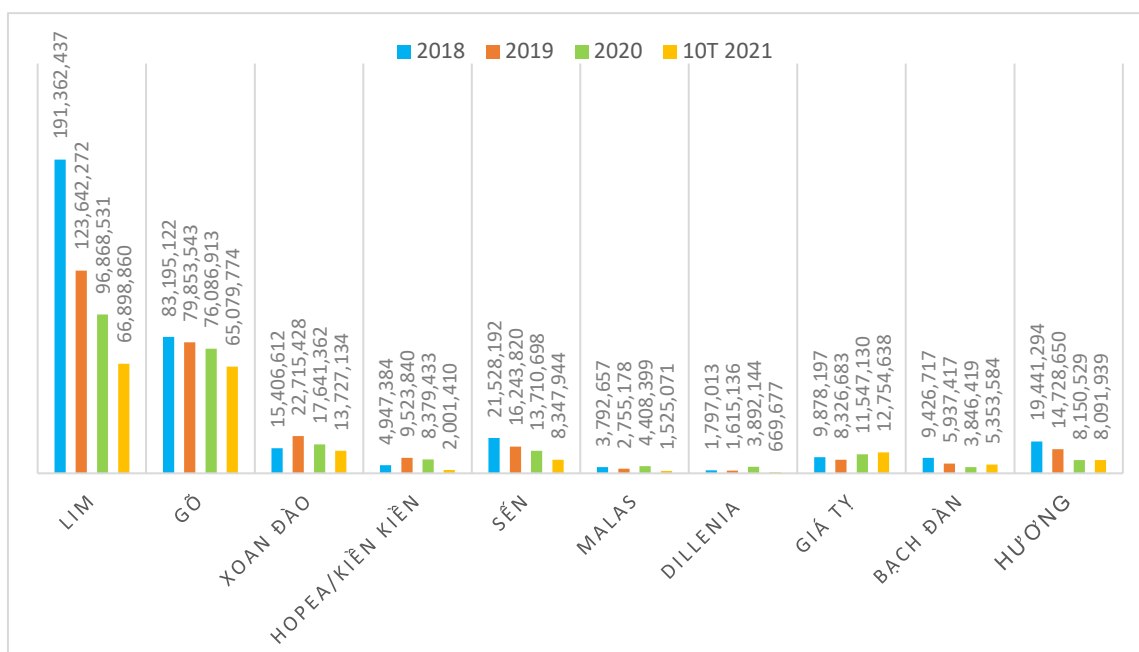
Hình 21 và 22 là lượng và giá trị nhập 10 loại gỗ xẻ từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10 tháng năm 2021.

Hình 21. Lượng nhập các loài gỗ tròn chính vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 - 10T 2021 (M3)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Hình 22. Giá trị nhập các loài gỗ tròn chính vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 - 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

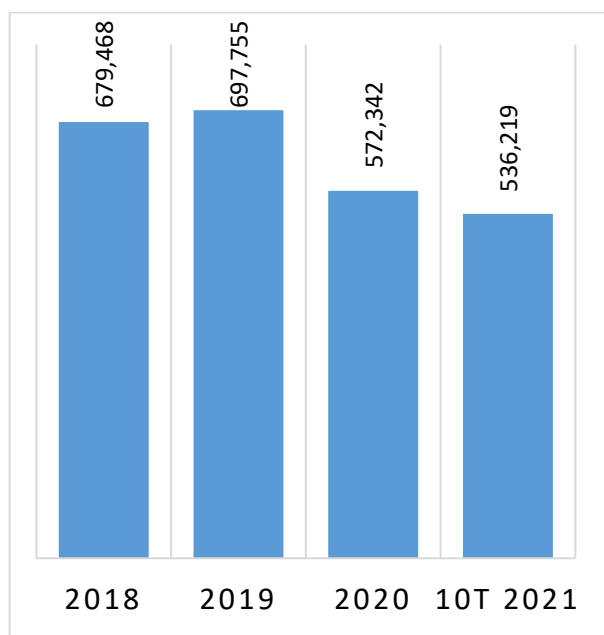
4.2. Gỗ xẻ nhập khẩu từ nguồn không tích cực

Lượng gỗ xẻ nhập từ các thị trường không tích cực chiếm dưới 30% tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu của cả nước. Lượng nhập có xu hướng giảm từ 28% vào năm 2018 xuống còn 27% vào năm 2019 và 23% vào năm 2020, tới 10 tháng năm 2021 lượng nhập gỗ xẻ từ thị trường không tích cực chỉ chiếm 22%.

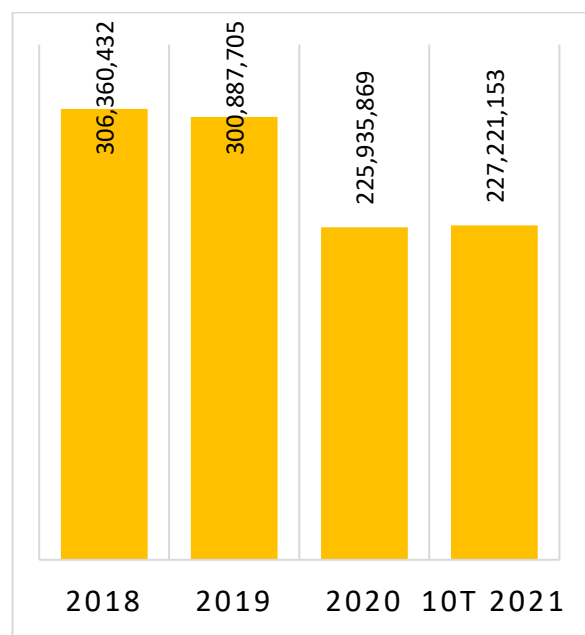
- Năm 2018: Lượng nhập đạt 0,67 triệu m³ gỗ xẻ từ 42 thị trường không tích cực, tương đương 306,36 triệu, chiếm 28% về lượng và 33% về giá trị.
- Năm 2019: Lượng nhập là 0,69 triệu m³ từ 49 thị trường không tích cực, tương đương 300,88 triệu USD, chiếm 27% về lượng và 32% về giá trị gỗ xẻ nhập vào Việt Nam. Chúng đã tăng 3% về lượng, nhưng giảm 2% giá trị so với năm 2018.
- Năm 2020: Lượng nhập đạt 0,57 triệu m³ gỗ xẻ từ 51 thị trường không tích cực, tương đương 225,93 triệu USD, chiếm 23% về lượng và 27% về giá trị gỗ xẻ nhập vào Việt Nam. Chúng đã giảm 18% về lượng và 25% về giá trị so với năm 2019.
- 10 tháng năm 2021: Lượng nhập đạt 0,53 triệu m³ gỗ tròn từ 46 thị trường không tích cực, tương đương 227,12 triệu USD, chiếm 22% về lượng và 24% về giá trị gỗ xẻ nhập vào Việt Nam. So với cùng kỳ năm 2020, những con số này đã tăng 16% về lượng và 20% về giá trị.

Hình 23 và hình 24 thể hiện thay đổi về lượng và kim ngạch gỗ xẻ nhập khẩu từ các thị trường không tích cực vào Việt Nam trong giai đoạn 2018-10T 2021.

Hình 23. Lượng gỗ xẻ Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021 (M3)



Hình 24. Kim ngạch nhập gỗ xẻ Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Các thị trường không tích cực cung gỗ xẻ chính

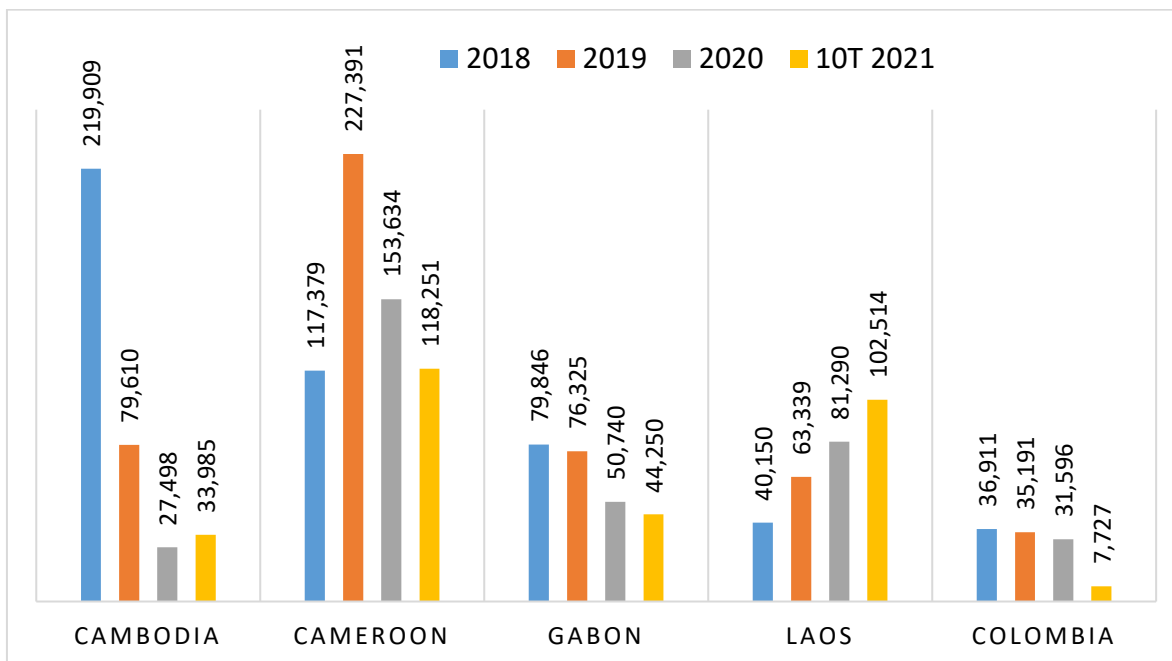
Các thị trường không tích cực cung gỗ xẻ nhiều nhất cho Việt Nam bao gồm: Cambodia, Cameroon, Gabon, Lào, Colombia, Argentina, Ghana, Ukraine, Nigeria và Kenya trong giai đoạn 2018-10 tháng 2021. Lượng gỗ Việt Nam nhập từ 10 thị trường này chiếm trên 80% tổng lượng gỗ xẻ nhập từ các thị trường không tích cực.

Một số thị trường không tích cực xuất khẩu gỗ xẻ nhiều vào Việt Nam đã có những thay đổi như sau:

- Cam-pu-chia: Năm 2020, lượng gỗ xẻ nhập đạt 27,5 ngàn m3, tương đương gần 7,2 triệu USD, chỉ bằng 13% về lượng và bằng 8% về kim ngạch so với năm 2018. Tuy nhiên, trong 10 tháng năm 2021 nhập khẩu gỗ xẻ từ nước này có xu hướng tăng trở lại với mức tăng 24% lượng và kim ngạch so với cả năm 2020.
- Cameroon: năm 2020, lượng và giá trị nhập gỗ xẻ vào Việt Nam đạt 153,6 ngàn m3, tương đương 69 triệu USD, giảm 32% về lượng và giảm 33% về giá trị so với cả năm 2020. Nguồn gỗ này về Việt Nam tiếp tục chậm lại trong năm 2021.
- Gabon: năm 2020, lượng nhập gỗ xẻ đạt 50,7 ngàn m3, tương đương kim ngạch 20,8 triệu USD, giảm 34% về lượng và giảm 47% về giá trị so với cả năm 2020.

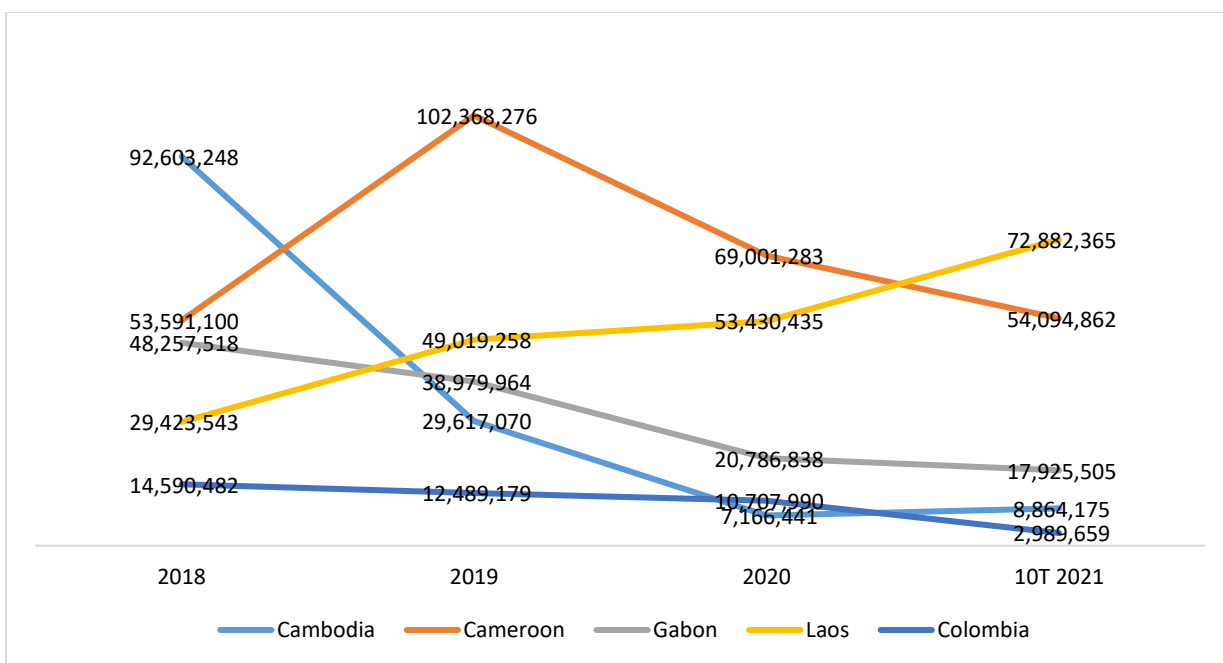
Hình 25 và hình 26 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ từ 5 thị trường không tích cực chính.

Hình 25. Lượng gỗ xẻ nhập vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021 (M3)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Hình 26. Kim ngạch nhập gỗ xẻ vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 4 chỉ ra lượng và giá trị gỗ xẻ nhập từ các thị trường này.

Bảng 4. Lượng và giá trị gỗ xẻ nhập vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10T 2021

Thị trường không tích cực	Lượng (m3)				Trị giá (USD)			
	2018	2019	2020	10T 2021	2018	2019	2020	10T 2021
Cambodia	219.909	79.610	27.498	33.985	92.603.248	29.617.070	7.166.441	8.864.175
Cameroon	117.379	227.391	153.634	118.251	53.591.100	102.368.276	69.001.283	54.094.862
Gabon	79.846	76.325	50.740	44.250	48.257.518	38.979.964	20.786.838	17.925.505
Laos	40.150	63.339	81.290	102.514	29.423.543	49.019.258	53.430.435	72.882.365
Colombia	36.911	35.191	31.596	7.727	14.590.482	12.489.179	10.707.990	2.989.659
Argentina	31.049	37.961	43.370	42.244	7.527.808	8.789.246	9.472.518	12.070.111
Ghana	28.020	20.034	14.900	13.281	10.485.051	8.102.392	4.896.577	4.723.267
Ukraine	26.259	20.213	21.659	17.261	10.094.581	7.555.892	7.046.536	6.766.428
Nigeria	22.521	30.958	36.402	18.933	8.219.044	11.209.393	11.146.687	5.727.640
Kenya	13.341	6.575	2.126	1.668	4.583.857	1.899.299	674.547	512.028

Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Các loài gỗ xẻ nhập khẩu từ thị trường không tích cực

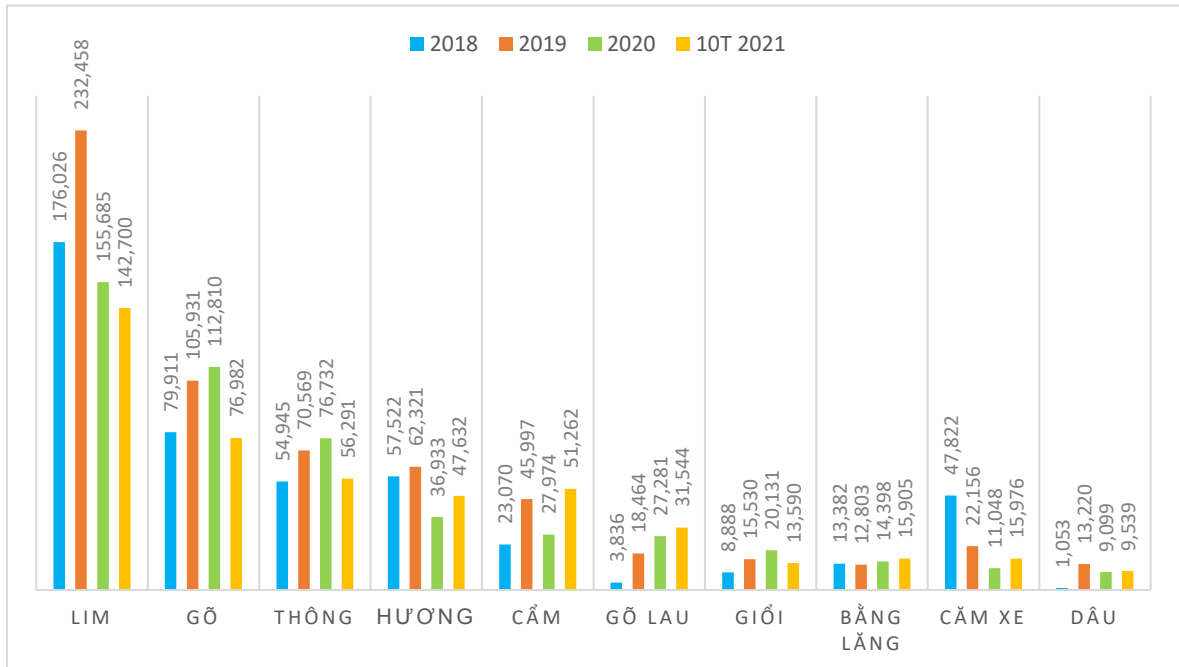
Số loài gỗ xẻ nhập từ các thị trường không tích cực khá đa dạng, với số lượng trên 200 loài khác nhau (thống kê theo tên khoa học). Năm 2018, Việt Nam nhập 238 loài gỗ từ 42 thị trường không tích cực, năm 2019 là 170 loài từ 49 thị trường. Năm 2020, DN Việt nhập 252 loài từ 51 thị trường và 10 tháng đầu năm 2021 nhập 227 loài từ 46 thị trường không tích cực.

Mười loài gỗ xẻ có lượng nhập chiếm trên 80% tổng lượng gỗ xẻ nhập từ các thị trường không tích cực. Các loài gỗ này gồm lim, gỗ, thông, hương, cẩm, gỗ lau, giổi, bằng lăng, cẩm xe và dầu. Cụ thể:

- Năm 2018: Lượng nhập là 0,46 triệu m³, tương đương 274,63 triệu USD, chiếm 69% về lượng và 74% về giá trị gỗ xẻ nhập từ các thị trường không tích cực.
- Năm 2019: Lượng nhập đạt 0,59 triệu m³, tương đương 261,18 triệu USD, chiếm 86% về lượng và 87% về giá trị gỗ xẻ nhập từ các thị trường không tích cực. Nó thể hiện tăng 29 % về lượng và 16% về giá trị so với năm 2018.
- Năm 2020: Lượng nhập đạt 0,49 triệu m³, tương đương 197,4 triệu USD, chiếm 86% về lượng và 87% về giá trị gỗ xẻ nhập từ các thị trường không tích cực. Chúng chỉ ra mức giảm 18% về lượng và 24% về giá trị so với năm 2019.
- 10 tháng đầu năm 2021: Lượng nhập đạt 0,46 triệu m³, tương đương 197,69 triệu USD, chiếm 86% về lượng và 87% về giá trị gỗ xẻ nhập từ các thị trường không tích cực.

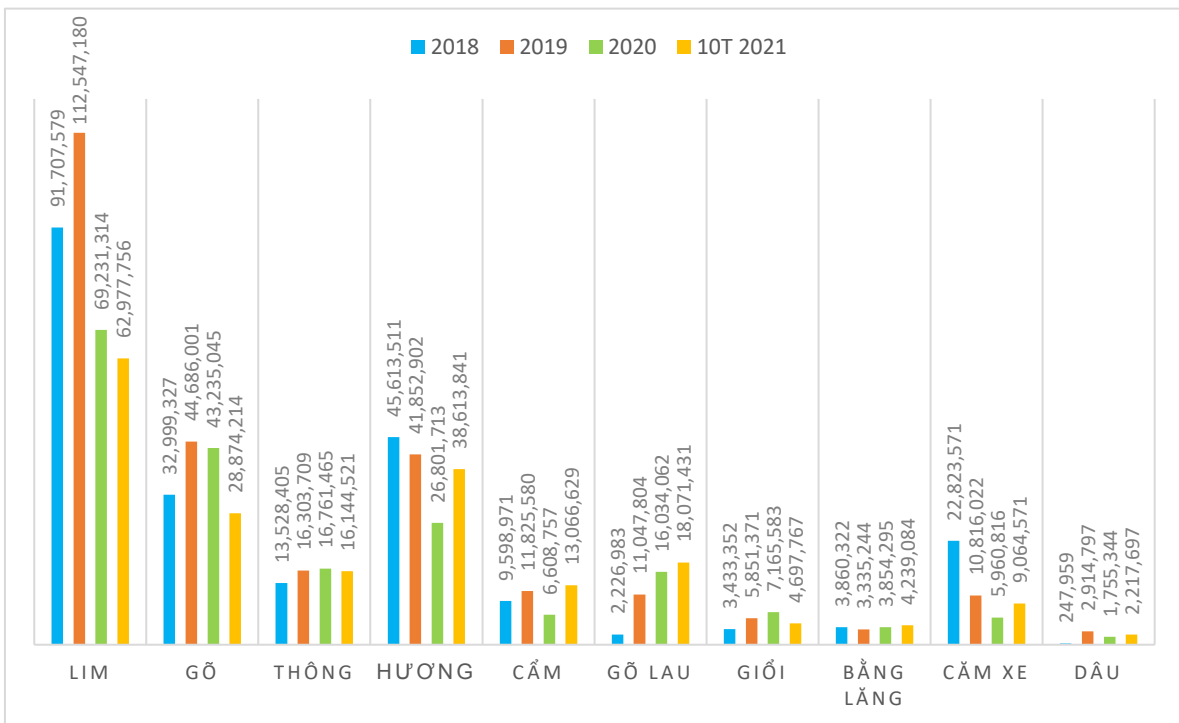
Hình 27 và 28 là lượng và giá trị nhập 10 loại gỗ xẻ từ các thị trường không tích cực năm 2018 – 10 tháng năm 2021.

Hình 27. Các loài gỗ xẻ nhập vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 -10T 2021 (M3)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

Hình 28. Giá trị nhập các loại gỗ xẻ vào Việt Nam từ các thị trường không tích cực năm 2018 -10T 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu các Hiệp hội và Forest Trends phân tích từ dữ liệu của Tổng cục Hải quan

5. Kết luận

Báo cáo này cập nhật tình hình Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu tính đến hết tháng 10 năm 2021. Báo cáo cho thấy hàng năm lượng gỗ nhập khẩu vào Việt Nam rất lớn, từ cả vùng địa lý tích cực và vùng rủi ro. Lượng nhập từ các vùng tích cực chiếm tỷ trọng đa số, và đang trên đà mở rộng, trong khi lượng nhập từ các vùng rủi ro chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng nhập khẩu và có xu hướng giảm. Đây là các tín hiệu tích cực cho ngành gỗ, đặc biệt trong bối cảnh ngành đang nỗ lực thực hiện các quy định đảm bảo gỗ hợp pháp theo yêu cầu của Hiệp định VPA mà Chính phủ đã ký với EU và Hiệp định về khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp mà Chính phủ vừa ký với Chính phủ Mỹ.

Tuy nhiên, con số gần 1,9 triệu m³ quy tròn là gỗ rủi ro nhập khẩu trong năm 2020 và 1,49 triệu m³ của 10 tháng đầu 2021 cho thấy lượng gỗ rủi ro nhập khẩu vào Việt Nam vẫn còn rất lớn. Quy mô nhập khẩu này cũng chỉ ra mức độ rủi ro của ngành gỗ Việt Nam có liên quan tới tính hợp pháp của gỗ nhập khẩu vẫn rất cao. Cần có các cơ chế chặt chẽ, đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc Nghị định 102/2020/NĐ-CP đặc biệt trong khâu kiểm soát gỗ rủi ro nhập khẩu. Thực hiện nghiêm túc tinh thần của Nghị định này cũng trực tiếp góp phần hiện thực hóa các cam kết về gỗ hợp pháp trong VPA cũng như trong Hiệp định mà Chính phủ Việt Nam vừa ký với Chính phủ Mỹ một cách hiệu quả. Điều này không những giúp ngành gỗ giảm được rủi ro trong khâu xuất khẩu mà còn góp phần mở rộng thị trường tại các thị trường lớn như Mỹ và các nước EU trong tương lai.